

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Nguyễn Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Xuân Ph, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm N, thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh H. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm N, thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Lê Văn H2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm N, thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh H. (có mặt)

3.2. Cháu Lê Mạnh Th, sinh ngày 22/7/2004. Người đại diện theo pháp luật cho cháu Th: Chị Nguyễn Thùy Nh, sinh năm 1983 - Là mẹ đẻ cháu Th; cùng địa chỉ: Xóm S, xã V, huyện K, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16 tháng 11 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lê Xuân Ph trình bày: Ông và bà Vũ Thị H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh H ngày 16 tháng 10 năm 1981 (âm lịch). Sau khi cưới vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/11/1987 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H có tính ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi

nhau, làm ảnh hưởng đến công việc và kinh tế gia đình. Sau mỗi lần mâu thuẫn, bà H thường bỏ đi rồi lại quay về xin lỗi ông, vì thương các con ông đã nhiều lần bỏ qua với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà H vẫn chứng nào tật ấy. Do đó từ khoảng đầu tháng 3 năm 2014 cho đến nay, vợ chồng ông đã chính thức sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến tình cảm cuộc sống của nhau. Nay ông xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị H để ổn định cuộc sống về sau.

Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 02 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn là bà Vũ Thị H xác nhận và trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông Ph đã khai. Nay bà xác định tình cảm giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà hoàn toàn đồng ý ly hôn với ông Lê Xuân Ph.

Về con cái: Ông Ph, bà H thống nhất xác nhận, vợ chồng không ai có con riêng mà chỉ có 03 người con chung là anh Lê Văn H1, sinh năm 1982, anh Lê Văn H2, sinh năm 1984 và anh Lê Văn H3, sinh năm 1986. Hiện nay anh H1 và anh H3 đều đã chết; anh H2 đã lấy vợ, có gia đình riêng, có công việc ổn định, nên khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Ông Ph, bà H thống nhất xác nhận, cho đến nay ông bà có một thửa đất với diện tích đất 362m² tọa lạc tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 930396 ngày 11/7/2016, đứng tên hộ ông Lê Xuân Ph, bà Vũ Thị H; trên diện tích đất này ông bà có xây dựng một công trình phụ (nhà bếp) khoảng 15m² và trồng một số cây ăn quả như bưởi, nhãn, cau... Khi ly hôn ông Ph đề nghị giải quyết chia đôi diện tích đất trên theo quy định của pháp luật. Bà H đồng ý chia thửa đất nêu trên thành 02 phần (01 phần phía Đông và 01 phần phía Tây, mỗi phần có diện tích 181m²), nhưng bà xin được sử dụng phần đất phía Đông, cụ thể là tính từ phía Đông giáp ngõ xóm có chiều dài 11,09m, phía Bắc giáp đường làng, phía Nam giáp nhà anh H2, kéo thẳng từ phía Đông sang phía Tây cho đủ 181m² thì thôi; phần đất phía Tây còn lại đề nghị giao cho ông Ph, cụ thể là phía Đông giáp phần đất của bà, phía Tây giáp hộ ông K, ông Th, phía Nam giáp hộ ông L, phía Bắc giáp đường làng. Đối với những tài sản nằm trên đất như công trình phụ (nhà bếp) và một số cây cối..., ông Ph, bà H không yêu cầu Tòa án phải giải quyết phân chia, những tài sản này sau khi phân chia đất nằm trên phần diện tích đất của ai thì người đó được hưởng. Ngoài ra ông, bà không còn tài sản chung nào khác đề nghị giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp và công nợ: Ông Ph, bà H đều trình bày. Cho đến nay vợ chồng không ai có tài sản riêng, vợ chồng không đóng góp được tài sản, công sức gì đối với hai bên gia đình, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Về đất ruộng cấy nông nghiệp: Ông Ph, bà H thống nhất trình bày. Hộ ông bà được nhà nước giao quyền sử dụng 07 suất đất nông nghiệp (mỗi suất 1,3 sào) tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với tổng diện tích là 3.837m², đây là tiêu chuẩn của 07 khẩu trong hộ gia đình của ông bà gồm: Bố mẹ ông Ph, hai vợ chồng và ba người con (trong đó bố mẹ ông Ph và hai người con là anh H1, anh H3 đều đã chết). Số đất này hiện ông Ph đang trực tiếp sử dụng 04 suất đất ruộng ở cánh đồng Đàm có diện tích là 1.987m² và diện tích đất ruộng mạ tương ứng, anh H2 con trai ông bà đang sử dụng 03 suất đất ruộng ở cánh đồng ông Khởi có diện tích là 1.440m² và diện tích đất ruộng mạ tương ứng. Khi ly hôn ông bà tự thống nhất giao ông Ph được quyền sử dụng 4,5 suất đất (trong đó 2,5 suất ở cánh đồng Đàm, 02 suất ở cánh đồng ông Khởi); giao bà H được quyền sử dụng 1,5 suất đất tại cánh đồng Đàm, giao anh H2 được quyền sử dụng 01 suất đất tại cánh đồng ông Khởi. Số diện tích đất chân ruộng mạ các đương sự tự phân chia tương ứng theo suất đất ruộng cấy của mỗi người được hưởng.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H2 trình bày: Anh được nhà nước giao quyền sử dụng 01 suất đất nông nghiệp trong hộ bố mẹ anh là ông Ph, bà H tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, nhưng khi dồn đổi ruộng đất, ông Ph đã giao cho anh đứng tên 03 suất đất ruộng cấy ở cánh đồng ông Khởi có diện tích là 1.440m² và đất chân ruộng mạ tương ứng. Nay bố mẹ anh ly hôn, anh chỉ xin nhận canh tác 01 suất đất ruộng cấy của anh tại cánh đồng ông Khởi và đất chân ruộng mạ tương ứng, 02 suất đất ruộng cấy còn lại và chân ruộng mạ tương ứng, anh trả lại cho bố mẹ anh. Việc phân chia đất ruộng này do anh và bố mẹ anh tự phân chia như thỏa thuận nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 3 năm 2018, chị Nguyễn Thùy Nh là mẹ đẻ cháu Lê Mạnh Th trình bày: Năm 2004, chị đã kết hôn với anh Lê Văn H1, sinh năm 1982 là con trai ông Ph, bà H, sau đó chị và anh H1 sinh được 01 con chung là cháu Lê Mạnh Th, sinh ngày 22/7/2004. Do mâu thuẫn, năm 2008 chị và anh H1 ly hôn, cháu Th được Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Đến năm 2015, anh H1 chết do nghiện ma túy. Khi còn sống, anh H1 được nhà nước giao cho 01 suất đất ruộng cấy trong hộ gia đình ông Ph, bà H. Nay ông Ph, bà H ly hôn, chị và cháu Th không có nhu cầu sử dụng, nên đề nghị Tòa án giao suất đất ruộng của anh H1 cho ông Ph toàn quyền sử dụng, chị và cháu Th không có khiếu nại, thắc mắc gì về sau.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 59 và 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ph. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Xuân Ph và bà Vũ Thị H. Giao ông Ph được quyền sử dụng diện tích đất $181m^2$ về phía Tây của thửa đất số 40, tờ bản đồ PL6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 930396 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/7/2016 có địa chỉ tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, cụ thể là: Phía Bắc giáp đường làng dài 6,92m; phía Tây giáp hộ ông K, ông Th với các cạnh có số đo là 15,88m, 1,74m, 9,20m; phía Nam giáp hộ ông L dài 8,35m; phía Đông giáp phần đất giao cho bà H và đất của anh H2 với các cạnh có số đo là 17,95m, 2,69m, 7,82m (vị trí 2, có sơ đồ kèm theo). Giao bà H được quyền sử dụng $181m^2$ đất ở phía Đông của thửa đất số 40 nêu trên, cụ thể là: phía Đông giáp đường xóm dài 11,09m; phía Bắc giáp đường làng dài 14,93m; phía Tây giáp phần đất giao cho ông Ph; phía Nam giáp phần đất anh H2 với các cạnh có số đo là 12,20m, 7,60m (vị trí 1, có sơ đồ kèm theo); tài sản trên phần đất đã giao cho ai thì người đó được toàn quyền sử dụng, hai bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho nhau. Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự: Giao ông Ph canh tác 2,5 suất đất ruộng ở cánh đồng Đầm và 02 suất đất ruộng ở cánh đồng ông Khởi; giao bà H canh tác 1,5 suất đất ruộng tại cánh đồng Đầm, giao anh H2 canh tác 01 suất đất ruộng tại cánh đồng ông Khởi. Số diện tích chân ruộng mạ các đương sự tự phân chia tương ứng theo suất ruộng cấy của mỗi người; ngoài ra còn đề nghị về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thùy Nh là người đại diện hợp pháp của cháu Lê Mạnh Th đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp chị Nh vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân Ph và bà Vũ Thị H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và được chính quyền xác nhận có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh H ngày 12 tháng 11 năm 1981 (tức ngày 16/10/1981 Âm lịch). Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, ông bà đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, song chỉ vì bà H có tính ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, khiến hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nhất là từ tháng 3 năm 2014 cho đến nay, ông bà đã chính thức ly thân, hai bên không còn quan tâm đến tình cảm cuộc sống của nhau. Nay ông Ph, bà H cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa ông Ph, bà H đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xem xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho ông Ph, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái: Ông Ph, bà H không ai có con riêng mà chỉ có 03 người con chung là anh Lê Văn H1, sinh năm 1982, anh Lê Văn H2, sinh năm 1984 và anh Lê Văn H3, sinh năm 1986. Hiện nay anh H1 và anh H3 đều đã chết; anh H2 đã lấy vợ, có gia đình riêng, có công việc ổn định. Khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án phải giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Ph và bà H hiện có một thửa đất có diện tích đất 362m² tọa lạc tại xóm N, thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 930396 ngày 11/7/2016, đứng tên hộ ông Lê Xuân Ph và bà Vũ Thị H trị giá 724.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do ông Ph, bà H không tự phân chia được diện tích đất nêu trên, vì vậy khi ông Ph, bà H ly hôn cần chia diện tích đất nêu trên thành hai phần (phía Đông và phía Tây) để giao cho mỗi ông bà là phù hợp. Tuy nhiên xét đề nghị của bà H xin nhận phần đất phía Đông của thửa đất nêu trên theo dạng hình chữ nhật, có nghĩa là lấy cạnh phía Đông giáp đường xóm làm chuẩn (đỉnh 2 và đỉnh 3), kéo đỉnh 2 tới đỉnh 1, kéo đỉnh 3 tới đỉnh 4 cho đủ diện tích 181m²; phần đất phía Tây còn lại của thửa đất có diện tích 181m² giao cho ông Ph sẽ làm giảm đáng kể giá trị và rất khó sử dụng, vì phần đất này có hình tay quay. Do đó cần giao cho bà H được quyền sử dụng phần đất phía Đông có diện tích 181m², với tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 11,09m, phía Tây giáp phần đất giao cho ông Ph dài 17,95m, phía Nam giáp phần đất anh H2, ông Ph có các đoạn dài 12,20m, 7,60m, 2,69m, phía Bắc giáp đường làng dài 14,93m; giao cho ông Ph được quyền sử dụng phần đất phía Tây có diện tích 181m², với tứ cận: Phía Đông giáp phần đất giao cho bà H có chiều dài các đoạn 17,95m, 2,69m, 1,06m, 7,82m; phía Tây giáp hộ ông K, ông Th có chiều dài các đoạn gồm 15,88m, 1,74m, 9,20m, phía Nam giáp hộ ông L dài 8,35m, phía Bắc giáp đường làng dài 6,92m. Đối với những tài sản nằm trên đất như công trình phụ (nhà bếp) và một số cây cối..., do ông Ph, bà H không yêu cầu giải quyết phân chia, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản riêng, công sức đóng góp và công nợ: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có gì, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về đất ruộng cấy nông nghiệp: Do các đương sự đã tự nguyện thống nhất phân chia trên cơ sở đề nghị của chị Nguyễn Thùy Nh là mẹ đẻ cháu Lê Mạnh Th (con anh H1) không yêu cầu Tòa án phải giải quyết đối với 01 suất đất ruộng của anh H1 mà tự nguyện giao cho ông Ph sử dụng và ông Ph đã tự nguyện thỏa thuận phân chia các suất ruộng nêu trên. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia phần diện tích đất nông nghiệp của ông Ph, bà H và anh H2, cụ thể như sau: Ông Ph được quyền canh tác sử dụng 4,5 suất đất ruộng (trong đó 2,5 suất ở cánh đồng Đầm, 02 suất ở cánh đồng ông Khởi); bà

H được quyền canh tác sử dụng 1,5 suất đất ruộng tại cánh đồng Đàm, anh H2 được quyền canh tác sử dụng 01 suất đất ruộng tại cánh đồng ông Khởi (mỗi suất 1,3 sào). Số diện tích đất chân ruộng mạ các đương sự xin tự phân chia tương ứng theo suất đất ruộng cấy của mỗi người được hưởng, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tòa án đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong vụ án hết tổng số tiền là 2.500.000đồng, số tiền này ông Ph đã nộp đủ. Nay ông Ph yêu cầu bà H phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên, nên cần buộc bà H phải thanh toán trả cho ông Ph số tiền 1.250.000đồng.

[8] Về án phí: Do ông Ph, bà H thuận tình ly hôn, nên mỗi ông bà phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm; ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 55, 57, 59 và 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1, điểm b khoản 1.3 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Xuân Ph và bà Vũ Thị H.

2. Về tài sản chung:

2.1. Giao ông Lê Xuân Ph được quyền sử dụng 181m² đất ở trị giá 362.000.000đồng về phía Tây của thửa đất số 40, tờ bản đồ PL6, tọa lạc tại xóm N, thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 930396 ngày 11/7/2016, đứng tên hộ ông Lê Xuân Ph và bà Vũ Thị H, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp phần đất giao cho bà H có chiều dài các đoạn 17,95m, 2,69m, 1,06m, 7,82m; phía Tây giáp hộ ông K, ông Th có chiều dài các đoạn 15,88m, 1,74m, 9,20m; phía Nam giáp hộ ông L dài 8,35m; phía Bắc giáp đường làng dài 6,92m. (vị trí 2, có sơ đồ trích vị trí thửa đất kèm theo)

2.2. Giao bà Vũ Thị H được quyền sử dụng 181m² đất ở trị giá 362.000.000đồng về phía Đông của thửa đất số 40, tờ bản đồ PL6, tọa lạc tại xóm N, thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 930396 ngày 11/7/2016, đứng tên hộ ông Lê Xuân Ph và bà Vũ Thị H, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường xóm dài 11,09m; phía Tây giáp phần đất giao cho ông Ph dài 17,95m; phía Nam giáp phần đất anh H2, ông Ph có các đoạn dài 12,20m, 7,60m, 2,69m; phía Bắc giáp đường làng dài 14,93m. (vị trí 1, có sơ đồ trích vị trí thửa đất kèm theo)

2.3. Các tài sản như công trình phụ (nhà bếp) và một số cây cối..., nằm trên phần đất của ai thì người đó được toàn quyền quản lý, sử dụng.

3. Về đất ruộng cấy nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện phân chia của các đương sự về đất ruộng cấy nông nghiệp, cụ thể như sau.

3.1. Ông Lê Xuân Ph được quyền canh tác sử dụng 2,5 suất đất ruộng tại cánh đồng Đầm, 02 suất đất ruộng tại cánh đồng ông Khởi cùng diện tích đất mạ tương ứng, tọa lạc tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

3.2. Bà Vũ Thị H được quyền canh tác sử dụng 1,5 suất đất ruộng tại cánh đồng Đầm cùng diện tích đất mạ tương ứng, tọa lạc tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

3.3. Anh Lê Văn H2 được quyền canh tác sử dụng 01 suất đất ruộng tại cánh đồng ông Khởi cùng diện tích đất mạ tương ứng, tọa lạc tại thôn Q, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

4. Về án phí:

Buộc ông Lê Xuân Ph phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 18.100.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Đối trừ số tiền ông Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04815 ngày 13/01/2017 là 4.345.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, ông Ph còn phải nộp tiếp số tiền 13.905.000đồng (mười ba triệu chín trăm linh năm nghìn đồng).

Buộc bà Vũ Thị H phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 18.100.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bà H phải nộp là 18.250.000đồng (mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà H có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Ph số tiền 1.250.000đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh